

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HSST

Ngày: 20/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Vũ Hà Nam**

Hội Thẩm nhân dân: **Ông Phạm Ngũ Lão**

Ông Phạm Quốc Khánh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Ngô Thu Phương** - Cán bộ
TAND tỉnh Nam Định.

Đại diện VKS nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét
xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ L số 33/2017/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2017, đối
với bị cáo:

Họ và tên **Phạm Hồng S**, sinh năm 1955;

Tên gọi khác: Không;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã Th, huyện
N, tỉnh Nam Định;

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí, trình độ văn hoá: 7/10;

Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không;

Bố đẻ: Phạm Sỹ T (đã chết);

Mẹ đẻ: Đỗ Thị H (đã chết);

Gia đình có 05 anh, chị em, bị cáo là con thứ tư;

Vợ: Vũ Thị S, sinh năm 1957;

Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1977 (đã chết), con nhỏ nhất sinh
năm 1980;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Tháng 6/1972 đến tháng 4/1976 và từ tháng 9/1978 đến tháng 6/1981 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam. Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Nam Trực ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 36/UBKT ngày 10/01/2017.

Ngày 06/01/2017 bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại.

Nguyên đơn dân sự: **Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tỉnh Nam Định.**

(Tại phiên tòa bị cáo có mặt; Nguyên đơn dân sự vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Hồng S bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 26/12/2016, Cơ quan An ninh điều tra (ANĐT) Công an tỉnh Nam Định tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm do cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bình Dương chuyển tới về việc Phạm Hồng S có dấu hiệu làm giả hồ sơ thương binh để hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước đối với người có công. Sau khi xác minh cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Nam Định đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Cụ thể như sau:

Ngày 15/11/2000, S viết "Bản khai cá nhân" và "Tờ khai của người bị thương" xin hưởng chế độ, chính sách thương binh với các thông tin: Nhập ngũ Quân đội nhân dân Việt Nam tháng 06/1972; Đơn vị: Đại đội 3, tiểu đoàn 1, E 297; Bị thương hồi 02 giờ ngày 09/3/1980; Nơi bị thương: Cầu Trắng, thị xã Cam Đường, tỉnh Lào Cai; Trường hợp bị thương: Chiến đấu; Các vết thương cụ thể: Súc ép pháo sập hầm vùi lấp chấn thương cột sống, chấn thương sọ não, tai, mũi, chảy máu, vết thương 1/3 trước cẳng chân trái, mẻ xương; Sau khi bị thương đã điều trị tại: Bệnh xá Lữ đoàn 297 và F355; Các giấy tờ còn giữ được: Một giấy chứng nhận bị thương gửi đến Ủy ban nhân dân xã Nam Thái;

Kèm theo là các tài liệu:

1. Đơn đề nghị giám định thương tật đề ngày 15/10/2000;
2. Quyết định phục viên số 15/CS ngày 30/06/1981 của Lữ đoàn 297 Quân khu 2;
3. Giấy chứng nhận bị thương số 216/CNBT ngày 27/11/1980 của Lữ

đoàn 297 Quân khu 2.

Ngày 05/12/2000, đại diện Đảng ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Nam Thái, huyện Nam Trực có biên bản họp giải quyết những trường hợp bị thương còn tồn đọng sau chiến tranh đề nghị cấp có thẩm quyền xác nhận cho giám định thương tật đối với Phạm Hồng S. Ban chỉ huy quân sự huyện Nam Trực, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định tiếp nhận hồ sơ và báo cáo Tư lệnh Quân khu 3 (qua phòng chính sách/Cục chính trị). Phòng chính sách/Cục chính trị Quân khu 3 tổ chức tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ và giới thiệu S sang Hội đồng giám định y khoa Quân khu 3. Ngày 30/8/2001, Hội đồng giám định y khoa Quân khu 3 có biên bản giám định thương tật số 2870/GĐYK-TB kết luận Phạm Hồng S tỷ lệ thương tật là 25% vĩnh viễn. Căn cứ biên bản giám định y khoa và hồ sơ của Phạm Hồng S, ngày 20/11/2001, Bộ tư lệnh Quân khu 3 có quyết định số 78/QĐ-K3 về việc cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật đối với Phạm Hồng S, trong đó xác định Phạm Hồng S được hưởng trợ cấp thương tật hàng tháng kể từ 01/08/2001 theo tỷ lệ mất sức lao động 25% vĩnh viễn. Đồng thời có giấy giới thiệu số 1783/GT-ƯĐ di chuyển hồ sơ và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi về Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định để chi trả trợ cấp thương binh đối với Phạm Hồng S (BL 214, 215, 218, 219, 221, 222, 296, 297, 304).

Tại Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định, Phạm Hồng S, sinh năm 1955, trú tại Thôn H, xã Th, huyện N, tỉnh Nam Định khai nhận: Năm 2000, Nhà nước có quy định về việc giải quyết chế độ cho những quân nhân có thời gian phục vụ trong quân đội bị thương trong chiến đấu, nhưng chưa giám định thương tật. Bản thân S có tham gia quân đội, không thuộc diện được giải quyết chế độ do không bị thương trong chiến đấu, song vì háms lợi, S đã nảy sinh ý định làm giả giấy tờ, tài liệu để làm hồ sơ xin hưởng chế độ trợ cấp thương binh. S tìm hiểu và biết muốn làm hồ sơ thương binh thì phải có giấy chứng nhận bị thương, nhưng S không được đơn vị cấp giấy chứng nhận bị thương vì thực tế không bị thương. Qua dư luận quần chúng nhân dân, S biết Trần Viết L, sinh năm 1924, trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định là người có khả năng làm được các loại giấy tờ giả để chạy chế độ. S tìm đến nhà L, thuê L làm giả giấy chứng nhận bị thương nhằm mục đích để làm hồ sơ xin hưởng chế độ trợ cấp thương binh. Theo yêu cầu của Trần Viết L, S đã cung cấp thông tin, Quyết định phục viên của S để L làm giấy chứng nhận bị thương giả cho S. Một tuần sau, S đến lấy giấy chứng nhận bị thương giả đã thuê L làm, S thấy giấy cũ, ngả màu nước chè, trong giấy chứng nhận bị thương ghi các nội dung: Số 216/CNBT ngày 27/11/1980 của Lữ đoàn 297 Quân khu 2; Cấp cho Phạm Hồng S; Sinh năm 1955; Nguyên quán: Xã Th, huyện N, tỉnh Hà Nam Ninh; Ngày nhập ngũ 06/1972; Xuất ngũ 04/1976; Tái ngũ 9/1979; Cấp bậc khi bị thương: Chuẩn úy; Chức vụ khi bị thương: Trung đội trưởng; Đơn vị khi bị thương: Đại đội 3, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn 297; Bị thương hồi 02 giờ 09/3/1980;

Nơi bị thương: Cầu Trắng, thị xã Cam Đường, tỉnh Lào Cai; Trường hợp bị thương: Chiến đấu; Vết thương: Súc ép pháo sập hầm vùi lấp chấn thương cột sống, chấn thương sọ não, tai, mũi, chảy máu, vết thương 1/3 trước cẳng chân trái, mẻ xương; Sau khi bị thương đã điều trị tại: Bệnh xá Lữ đoàn 297 và F355 từ ngày 10/3/1980 đến ngày 21/4/1980; Nhận xét của đơn vị về trường hợp bị thương loại A là đúng với yêu cầu của S, S trả cho L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) (BL: 101-118, 129-130).

Sau khi có được giấy chứng nhận bị thương giả, để hồ sơ đảm bảo chặt chẽ, không để người khác nghi ngờ, S tìm đến nhà gặp ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1948, trú tại: Xã H, huyện N, tỉnh Nam Định và ông Bùi Ngọc Kh, sinh năm 1949, trú tại: Xã C, huyện T, tỉnh Nam Định là hai người không cùng đơn vị chiến đấu nhưng cùng có thời gian công tác tại Lữ đoàn 297 Quân khu 2 nhờ viết xác nhận cho S bị thương trong chiến đấu. Ông K và ông Kh mặc dù không cùng đơn vị với S, biết S không bị thương trong chiến đấu nhưng vì nể tình đồng chí, đồng đội nên đã viết xác nhận cho S bị thương theo yêu cầu và hướng dẫn của S, sau đó cùng S ra UBND xã để xin xác nhận của chính quyền xã vào đơn xác nhận bị thương cho S, ông K và ông Kh không biết S sử dụng giấy tờ giả để làm hồ sơ thương binh, không hưởng lợi gì từ S. Tuy nhiên khi đến Ủy ban nhân dân xã để nộp hồ sơ biết không cần thủ tục xác nhận của hai người này, S lấy ra khỏi hồ sơ, mang về nhà và hiện đã đánh mất (BL: 399).

Tiến hành điều tra, xác minh về đơn vị, vị trí đóng quân của S, Quân khu 2 cung cấp: Vào thời điểm tháng 3/1980, Lữ đoàn 297 Quân khu 2 không đóng quân tại địa bàn Cầu Trắng, thị xã Cam Đường, tỉnh Lào Cai, thời gian từ tháng 11/1979 đến tháng 12/1980 thì Đại đội 3, Tiểu Đoàn 1, Lữ đoàn 297 đóng quân tại Trái Hút, Yên Bái. Phạm Hồng S có tên trong đơn vị nhưng không có tên trong danh sách thương binh của Lữ đoàn 297, Quân khu 2 (BL: 231).

Tiến hành thu giữ và trưng cầu giám định về hình dấu và chữ viết đối với giấy chứng nhận bị thương số 216/CNBT cấp cho Phạm Hồng S do Chỉ huy trưởng Lữ đoàn 297 ký ngày 27/11/1980. Tại bản Kết luận giám định số 125/GĐKTHS ngày 15/02/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Hình dấu "Lữ đoàn 287 - Quân đội nhân dân Việt Nam" trên tài liệu (ký hiệu A – mẫu vật gửi giám định) so với hình dấu trên tài liệu mẫu (ký hiệu M – mẫu vật so sánh) không phải do cùng một con dấu đóng ra; Không đủ cơ sở kết luận chữ viết tại phần nội dung trên tài liệu so với chữ viết dưới mục "Thủ trưởng" trên tài liệu (ký hiệu A) (BL: 328).

Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định tiến hành xác minh về quyết định phục viên số 15 ngày 30/06/1981 do Lữ đoàn 297 Quân khu 2 cấp cho Phạm Hồng S thì vào thời điểm tháng 6/1981 Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 297 Quân Khu 2 là đồng chí H, đồng chí Tạ Văn P thời điểm trên là Phó Lữ đoàn trưởng về chính trị.

Chỉ huy Tiểu đoàn, Đại đội của Phạm Hồng S thời gian trên hồ sơ không còn lưu trữ nên không có cơ sở xác minh (BL 231).

Theo Công văn số 178/SLĐTBXH-NCC ngày 21/02/2016 của Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định thì từ tháng 9/2001 đến tháng 02/2017 đã chi trả tiền trợ cấp thương binh cho Phạm Hồng S tổng số tiền là 104.373.600 đồng (Một trăm linh bốn triệu ba trăm bảy ba nghìn sáu trăm đồng). Ngày 07/03/2017, Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định ra Quyết định số 1949/QĐ-SLĐTBXH-NCC về việc tạm đình chỉ thực hiện chế độ ưu đãi thương binh đối với Phạm Hồng S từ 01/4/2017. Phạm Hồng S đã nhận tiền trợ cấp thương binh hết 02/2017, riêng tiền trợ cấp tháng 03/2017 là 1.057.000 đồng, bị can S không nhận, Ban lao động thương binh xã Nam Thái đã chuyển trả Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Nam Trực để trả về Ngân sách. Sau khi bị phát hiện sử dụng hồ sơ thương binh giả để hưởng chế độ trợ cấp, ngày 22/02/2017 và 27/02/2017 bị can Phạm Hồng S đã tự nguyện giao nộp tổng số tiền 104.373.000 đồng là tiền đã chiếm hưởng tại Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định (BL 202, 203, 295, 311, 399).

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định Phạm Hồng S đã tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, bản thân không bị thương, không phải là đối tượng người được hưởng chế độ thương binh. Biết rõ không đủ điều kiện và tiêu chuẩn hưởng trợ cấp ưu đãi của Nhà nước về chế độ thương binh nhưng đã sử dụng giấy tờ giả (mua giấy chứng nhận bị thương) làm giả hồ sơ thương binh, lừa dối các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hưởng chế độ trợ cấp thương binh từ tháng 9/2001 đến tháng 02/2017, chiếm đoạt của nhà nước số tiền là 104.373.600 đồng.

Vật chứng, đồ vật, tài liệu liên quan đã thu giữ trong vụ án là: 01 giấy chứng thương số 216 và số tiền 104.373.000 đồng.

Đối với Trần Viết L là người mà Phạm Hồng S khai đã làm giấy chứng nhận bị thương giả cho S nhưng UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định cung cấp Trần Viết L đã chết ngày 26/12/2005 (BL 362).

Đối với ông Phạm Ngọc K và ông Bùi Ngọc Kh là người đã xác nhận bị thương cho S: Quá trình điều tra xác định, ông Kh đã chết ngày 14/8/2009 (BL 361); ông K có thời gian tham gia quân đội, đã xác nhận cho Phạm Hồng S bị thương trong chiến đấu là không đúng sự thật. Tuy nhiên, ông K không biết S sử dụng giấy xác nhận bị thương vào mục đích gì, không bàn bạc, thỏa thuận và cũng không được hưởng lợi, đồng thời giấy tờ này không được sử dụng trong quá trình xét duyệt hồ sơ. Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định không đặt vấn đề xử L mà nhắc nhở là phù hợp.

Đối với Hội đồng xét duyệt chính sách xã Nam Thái: Cơ quan An ninh điều tra xác định vào thời điểm xét duyệt hồ sơ thương binh của Phạm Hồng S, Hội

đồng xét duyệt không tổ chức họp hội đồng xét duyệt hồ sơ, không tuân thủ đúng quy trình xét duyệt. Tuy nhiên, quá trình xác nhận hồ sơ thương binh của Phạm Hồng S, các thành viên Hội đồng xét duyệt chính sách xã Nam Thái đều không biết giấy chứng nhận bị thương mà S đưa vào hồ sơ xét duyệt chế độ thương binh là tài liệu giả và cũng không được hưởng lợi gì, do đó Cơ quan ANĐT đã thông báo và đề nghị Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Nam Thái họp kiểm điểm xem xét trách nhiệm đối với từng người là phù hợp.

Cáo trạng số 33/QĐ-KSĐT ngày 09/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố Phạm Hồng S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Phạm Hồng S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm e khoản 2 Điều 139; Điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS năm 1999 Xử phạt bị cáo Phạm Hồng S từ 09 đến 12 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho Sở Lao động và Thương binh xã hội tỉnh Nam Định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu giữ trong quá trình điều tra, thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Lợi dụng chính sách đãi ngộ của nhà nước đối với người có công, do hám lợi, Phạm Hồng S không bị thương trong chiến đấu, biết rõ không đủ điều kiện và tiêu chuẩn hưởng chế độ trợ cấp thương binh nhưng đã nhờ người làm giả giấy chứng nhận bị thương và sử dụng giấy tờ giả làm hồ sơ lừa dối các cơ quan Nhà nước để hưởng chế độ ưu đãi thương binh từ tháng 9/2001 đến tháng 02/2017 chiếm đoạt của Nhà nước 104.373.600 đồng từ ngân sách nhà nước.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm e khoản 2 Điều 139

BLHS, như cáo trạng số 33/QĐ-KSĐT, ngày 09/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của nhà nước, đồng thời tác động xấu đến tình hình trật tự trị an và an toàn xã hội, bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự cũng như khả năng nhận thức về những điều cấm của pháp luật trong việc bảo vệ quyền sở hữu về tài sản. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

Trong vụ án này giá trị số tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 104.373.600 đồng, vì vậy bị cáo S phải chịu tình tiết định khung hình phạt nặng hơn “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong giai đoạn điều tra bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 104.373.600 đồng tại Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Nam Định để bồi thường khắc phục hậu quả; Bản thân bị cáo đã có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam, đã được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ hạng Nhì, Huy chương chiến sỹ giải phóng và Huân chương chiến sỹ vẻ vang. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Về tình tiết, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong vụ án này số tiền 104.373.600 đồng mà bị cáo S lừa đảo chiếm đoạt là khoản trợ cấp của Nhà nước đối với chế độ thương binh, do vậy khoản tiền trên được xác định là tài sản của Nhà nước, lẽ ra bị cáo S phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xâm phạm tài sản của Nhà nước” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; Tuy nhiên theo quy định của BLHS năm 2015 cụ thể tại Điều 52 đã bỏ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này; Vì vậy cần áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 hướng dẫn thi hành một số quy định của BLHS năm 2015, HĐXX xét thấy bị cáo S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xâm phạm tài sản của Nhà nước” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy cần áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS, để xử phạt đối với bị cáo, áp dụng Điều 47 BLHS, cho bị cáo được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung

hình phạt, nhưng phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS.

Buộc bị cáo S phải có nghĩa vụ trả lại cho Sở Lao động Thương binh xã hội tỉnh Nam Định số tiền trợ cấp thương binh mà bị cáo đã chiếm hưởng trong thời gian từ tháng 9/2001 đến tháng 02/2017 là 104.373.600 đồng, đối trừ với số tiền 104.373.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Nam Định, hiện nay đã chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, như vậy bị cáo còn phải nộp 600đ (Sáu trăm đồng).

Ngoài ra HĐXX xét thấy cần kiến nghị Bộ tư lệnh Quân khu 3, ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thương binh đã cấp cho bị cáo Phạm Hồng S vào ngày 20/11/2001.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; Điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13; Điều 52 BLHS năm 2015, Xử phạt bị cáo Phạm Hồng S 09 (chín) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Hồng S phải trả ngân sách Nhà nước (do Sở Lao động Thương binh xã hội tỉnh Nam Định là đại diện) số tiền trợ cấp thương binh mà bị cáo đã chiếm hưởng trong thời gian từ tháng 9/2001 đến tháng 02/2017 là 104.373.600đ (Một trăm lẻ bốn triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm đồng), đối trừ với số tiền 104.373.000đ (một trăm lẻ bốn triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng) mà bị cáo đã nộp; bị cáo S còn phải nộp 600đ (Sáu trăm đồng).

3. Kiến nghị Bộ tư lệnh Quân khu 3 ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thương binh đã cấp cho bị cáo Phạm Hồng S vào ngày 20/11/2001.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/UBTVQH/K14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo Phạm Hồng S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND-CC; CA; VKS tỉnh ND;
- Cục THA dân sự tỉnh Nam Định;
- Trại giam Đại An;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: H.Sơ, tòa H.Sự.

Đã ký

Vũ Hà Nam